

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2018 - 2020

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình Mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 1760/QĐ-TTg ngày 10/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ về điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình Mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 69/QĐ-BNN-VPĐP ngày 09/01/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Sổ tay hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí Quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020; Công văn số 1345/BNN-VPĐP ngày 08/02/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc hướng dẫn và triển khai kế hoạch xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2018 - 2020;

Xét đề nghị của Văn phòng điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới của tỉnh tại Tờ Trình số 303/TTr-VPĐP ngày 28/8/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2018 - 2020 (gọi tắt là Bộ tiêu chí nâng cao).

Điều 2. Đối tượng thực hiện

Các xã đạt chuẩn nông thôn mới theo Quyết định số 1073/QĐ-UBND ngày 05/5/2017 của UBND tỉnh về việc ban hành Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2017 - 2020.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Các sở, ngành được giao phụ trách chỉ tiêu, tiêu chí:

- Chủ trì, xây dựng hướng dẫn rà soát các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới

theo Quyết định số 1073/QĐ-UBND ngày 05/5/2017 của UBND tỉnh thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí theo quy định tại Quyết định này do cơ quan, đơn vị được giao phụ trách, theo hướng dẫn của Trung ương và căn cứ điều kiện thực tế tại địa phương.

- Hướng dẫn đăng ký, hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét, công nhận, công bố xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

- Thẩm định, đánh giá tiêu chí và hỗ trợ các xã rà soát theo Bộ tiêu chí nâng cao.

2. Văn phòng điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới của tỉnh.

- Tổng hợp, đôn đốc các Sở, ngành phụ trách chỉ tiêu, tiêu chí xây dựng hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí nâng cao.

- Phối hợp với các Sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố trong công tác thẩm định và hoàn thiện hồ sơ trình công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao theo đúng quy định.

- Phối hợp với các Sở, ngành liên quan theo dõi, kiểm tra, giám sát, kịp thời phát hiện vướng mắc, phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện báo cáo Ban chỉ đạo và UBND tỉnh.

3. UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các phòng ban, đơn vị có liên quan và UBND các xã tổ chức thực hiện tốt các quy định tại Quyết định này.

- Chỉ đạo tổ chức đánh giá, hoàn thiện hồ sơ đề nghị UBND tỉnh xét, công nhận, công bố xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh; các thành viên Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG của tỉnh, giai đoạn 2016 - 2020; Chánh Văn phòng điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới của tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Nơi nhận

- Như điều 4;
- Văn phòng ĐPNMTW (báo cáo);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (báo cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Các phòng: TH, KT, NN&MT;
- Lưu: VT, NN&MT(Đg-100b)

CHỦ TỊCH



Phạm Ngọc Nghị

**BỘ TIÊU CHÍ XÃ ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO
TỈNH ĐẮK LẮK, GIAI ĐOẠN 2018 - 2020**

(Kèm theo Quyết định số 2227 /QĐ-UBND ngày 13 /9/2018 của UBND tỉnh)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã ¹ được phê duyệt và được công bố công khai đúng thời hạn	Đạt
		1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch	Đạt
2	Giao thông	2.1. Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	100%
		2.2. Đường trục thôn, buôn và đường liên thôn, buôn ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	≥ 80%
		2.3. Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa	≥ 60%
		2.4. Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm	≥ 80%
		2.5. Thường xuyên duy tu, bảo dưỡng đường giao thông, không để xảy ra tình trạng xuống cấp	Đạt
3	Thủy lợi	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp trong vùng quy hoạch được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 85% trở lên	≥ 85%
		3.2. Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ	Đạt
		3.3. Thường xuyên duy tu, bảo dưỡng công trình thủy lợi, không để xảy ra tình trạng xuống cấp	Đạt
4	Điện	4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn	Đạt
		4.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	≥ 99%

¹ Quy hoạch chung xây dựng xã phải đảm bảo thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với ứng phó với biến đổi khí hậu, quá trình đô thị hóa của các xã ven đô và đảm bảo tiêu chí môi trường nông thôn.

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
5	Trường học	5.1. Tỷ lệ trường học các cấp: Mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia	$\geq 75\%$
		5.2. Thường xuyên duy tu, bảo dưỡng công trình trường học (Mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở), không để xảy ra tình trạng xuống cấp	Đạt
6	Cơ sở vật chất văn hoá	6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã	Đạt
		6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định ²	Đạt
		6.3. Tỷ lệ thôn, buôn có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng	100%
		6.4. Thường xuyên duy tu, bảo dưỡng công trình nhà văn hóa, hội trường đa năng, nhà sinh hoạt cộng đồng, không để xảy ra tình trạng xuống cấp	Đạt
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa	Đạt
8	Thông tin và truyền thông	8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính	Đạt
		8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet	Đạt
		8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn, buôn	Đạt
		8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành: Xã sử dụng thành thạo và thường xuyên các phần mềm ứng dụng của UBND tỉnh triển khai như: Hệ thống quản lý văn bản và điều hành; Hệ thống thư điện tử chính thức của cơ quan nhà nước; Hệ thống một cửa điện tử. Hoặc xã có Cổng/trang thông tin điện tử (có chức năng phục vụ công tác quản lý, điều hành hoặc cung cấp dịch vụ công trực tuyến tối thiểu mức độ 2 của xã)	Đạt
		8.5. Thường xuyên duy tu, bảo dưỡng công trình đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn, buôn, không để xảy ra tình trạng xuống cấp	Đạt
9	Nhà ở dân cư	9.1. Nhà tạm, dột nát	Không
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định	$\geq 85\%$

² Điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em của xã phải đảm bảo điều kiện và có nội dung hoạt động chống đuối nước cho trẻ em.

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người đạt cao gấp 1,2 lần trở lên so với mức quy định (theo Quyết định số 1073/QĐ-UBND ngày 05/5/2017 của UBND tỉnh) tại thời điểm xét	Đạt
11	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016 - 2020 ³	≤ 3,5%
12	Lao động có việc làm	Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động	≥ 90%
13	Tổ chức sản xuất	13.1. Có ít nhất 01 hợp tác xã thành lập theo Luật Hợp tác xã năm 2012 hoạt động hiệu quả và được nhân rộng; thực hiện liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị hàng hóa bảo đảm chất lượng, an toàn thực phẩm và gắn với định hướng phát triển dịch vụ, du lịch... của địa phương	Đạt
		13.2. Thực hiện cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp đối với cây trồng chủ lực; có mô hình sản xuất an toàn, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất và chế biến sản phẩm an toàn hoặc sản xuất theo hướng hữu cơ. - Tỷ lệ cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp đối với cây trồng chủ lực đạt tối thiểu 70%. - Có ít nhất 01 mô hình sản xuất an toàn, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất và chế biến, mô hình sản xuất nông nghiệp theo hướng hữu cơ hoặc thực hiện Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm”	Đạt
14	Giáo dục và Đào tạo	14.1. Nâng cao trình độ dân trí của người dân: đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở mức độ 3	Đạt
		14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp)	≥ 70%
		14.3. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo	≥ 65%
		14.4. Có 100% số lao động nông thôn trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động được tuyên truyền, phổ biến kiến thức khoa học, công nghệ, rủi ro thiên tai, cơ chế, chính sách của Nhà nước và được cung cấp thông tin để phát triển sản xuất, kinh doanh hoặc chuyển đổi cách thức làm ăn phù hợp	Đạt
15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	≥ 85%

³ Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều đưa vào đánh giá sau khi đã trừ các trường hợp thuộc diện bảo trợ xã hội hoặc do tai nạn rủi ro bất khả kháng hoặc bệnh hiểm nghèo.

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
		15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Đạt
		15.3. Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	$\leq 31,4\%$
		15.4. Chất lượng chăm sóc sức khỏe ban đầu và mức hưởng thụ các dịch vụ y tế ban đầu cho người dân được bảo đảm; thực hiện hiệu quả công tác kiểm soát các bệnh truyền nhiễm và bệnh gây dịch; giảm tối đa tình trạng ngộ độc thực phẩm đông người	Đạt
		15.5. Thường xuyên duy tu, bảo dưỡng công trình trạm y tế, không để xảy ra tình trạng xuống cấp	Đạt
16	Văn hóa	16.1. Tỷ lệ thôn, buôn đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định	$\geq 70\%$
		16.2. Chất lượng các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được bảo đảm, thu hút số lượng lớn người dân tham gia; phát huy những giá trị tốt đẹp văn hóa truyền thống địa phương; xây dựng cộng đồng dân cư văn minh, dân chủ, đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ nhau, thực hiện tốt các hoạt động nhân đạo từ thiện	Đạt
17	Môi trường và an toàn thực phẩm	17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định	$\geq 95\%$ ($\geq 50\%$ nước sạch)
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	100%
		17.3. Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn	Đạt
		17.4. Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch	Đạt
		17.5. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định	Đạt
		17.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch ⁴	$\geq 70\%$

⁴ Đảm bảo 3 sạch, gồm: Sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ (theo nội dung cuộc vận động "Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch" do Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam phát động).

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
		17.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường	≥ 60%
		17.8. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%
		17.9. Thực hiện hiệu quả các giải pháp, phương án cụ thể về bảo vệ môi trường, chủ động phòng chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu.	Đạt
		17.10. Khu xử lý rác thải tập trung của xã (nếu có) phải được trồng nhiều lớp cây xanh phù hợp bao bọc xung quanh. Ít nhất 70% lượng rác thải sinh hoạt trên địa bàn xã phải được thu gom và xử lý đúng quy định; có mô hình phân loại rác tại nguồn.	Đạt
		17.11. Thường xuyên duy tu, bảo dưỡng công trình cấp nước, không để xảy ra tình trạng xuống cấp	Đạt
18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn	Đạt
		18.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định	Đạt
		18.3. Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn “trong sạch, vững mạnh”	Đạt
		18.4. Tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội của xã đạt loại khá trở lên	Đạt
		18.5. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định	Đạt
		18.6. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực gia đình và đời sống xã hội	Đạt
		18.7. Cải cách, đơn giản hóa các thủ tục hành chính; giải quyết các thủ tục hành chính cho các tổ chức, công dân đảm bảo đúng quy định	Đạt
		18.8. Thực hiện tốt các quy định về dân chủ cơ sở. Các thôn, buôn xây dựng và thực hiện hiệu quả hương ước, quy ước cộng đồng.	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
19	Quốc phòng và An ninh	19.1. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng	Đạt
		19.2. Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: Không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước	Đạt
		19.3. Nhân dân tích cực tham gia phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; có các mô hình tự quản, liên kết bảo vệ an ninh trật tự hoạt động thường xuyên, hiệu quả	Đạt
20	Đánh giá sự hài lòng của người dân	Tỷ lệ hộ dân hài lòng về kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã (<i>thực hiện với 70% đại diện số hộ dân trên địa bàn xã</i>)	≥ 90%